

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2024/HSST

Ngày: 06/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoàng

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2024/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị T; sinh năm 197X tại Gia Lai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Làng N, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Phụ bếp; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hồng T (Đã chết) và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1950; Bị cáo có chồng là Võ Trương Quốc V, sinh năm 197X (Đã ly hôn) và có 04 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

***Người bị hại:** Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 199X (Vắng mặt)

Địa chỉ: 16X Trường C, tổ X, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

-Anh Phạm Xuân Đ, sinh năm 198X (Vắng mặt)

Địa chỉ: Trần P, tổ X, phường Tây S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 16/3/2024, Phạm Thị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu đỏ đen, biển số 81B1-657.57 đến cửa hàng điện thoại di

động “T Gia Lai” ở số 16X đường Trường C, tổ X, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai do anh Nguyễn Đức T1 làm chủ để thực hiện dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 chuyển 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) tiền mặt vào số tài khoản 0400.3160.3260 Ngân hàng Sacombank của mình, anh T1 đồng ý. Sau đó, anh T1 đi vào trong nhà để chuyển tiền, quan sát thấy cửa hàng không có ai trông coi, T đã lấy trộm chiếc điện thoại di động Iphone 12 Promax màu Gold trong tủ kính của cửa hàng, cất vào trong túi áo và rời đi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T đi đến cửa hàng điện thoại “Lộc Phát” tại số Trần P, phường Tây S, thành phố P, tỉnh Gia Lai do anh Phạm Xuân Đ làm chủ bán được 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Đến ngày 18/3/2024, anh T phát hiện bị mất chiếc điện thoại Iphone 12 Promax màu Gold nên đã đến Công an phường Trà B, thành phố P trình báo. Đến khoảng 10 giờ ngày 18/3/2024, T đã đến Công an phường Trà B, thành phố P đầu thú, giao nộp chiếc điện thoại đã chiếm đoạt và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Qua định giá, xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max đã qua sử dụng, vỏ màu vàng Gold, 128Gb, số Emei: 35038113399452, đã thu hồi được, sử dụng đến ngày 16/3/2024 bị chiếm đoạt có giá trị là: 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý trả lại cho anh Nguyễn Đức T1.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Tại Cáo trạng số: 173/CTr-VKS ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Phạm Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng Khoản 1 Điều 173 và điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50, 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì.

Trước khi HĐXX nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình phạm tội, bị cáo rất ân hận, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị T tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ

có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 14 giờ ngày 16/3/2024, tại cửa hàng điện thoại di động “T Gia Lai” ở số 16X Trường C, tổ X, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, Phạm Thị T đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max đã qua sử dụng, vỏ màu vàng Gold, 128Gb, số Emei: 35038113399452 trị giá 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Đến ngày 18/3/2024, T đầu thú, giao nộp chiếc điện thoại đã chiếm đoạt và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, nên đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 8.500.000đ nên đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Phạm Thị T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe, có khả năng lao động, có nghề nghiệp; không có tiền án, tiền sự, nhưng vì động cơ vụ lợi đã phạm tội. Tuy nhiên xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú đồng thời đã đi chuộc lại và giao nộp lại tài sản trộm cắp khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt là có cơ sở cần chấp nhận. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp thu nhập không ổn định, đang phải nuôi con nhỏ. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với Phạm Xuân Đ, là người đã mua tài sản do Phạm Thị T trộm cắp, nhưng anh Đ không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có. Do vậy, không xem xét, xử lý đối với anh Đ về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

***Về vật chứng vụ án:**

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 12 Pro Max 128Gb màu vàng Gold Cơ quan Điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Đức T1 là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập đến trong phần quyết định.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIR BLADE, biển số 81B1 – 657.57, qua điều tra xác định đây là tài sản của bà Phạm Thị T2, là mẹ của T. T mượn bà T2 xe để đi công việc, nhưng sau đó sử dụng làm phương tiện đi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, thì bà T2 không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô trên của bà T2.

***Về trách nhiệm dân sự:**

Người bị hại anh Nguyễn Đức T1 đã nhận tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu gì về dân sự, nên HĐXX không đề cập đến trong phần quyết định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Xuân Đ đã được nhận lại số tiền 3.000.000đ mua điện thoại từ bị cáo Phạm Thị T, không có yêu cầu gì về dân sự, nên HĐXX không đề cập đến trong phần quyết định.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị T** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

-Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị T** - 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (06/9/2024).

Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Phạm Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Sở tư pháp;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Thị hành án dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Tiến